TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 22 - 02 - 2019
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đỗ Minh Thân**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông **Hoàng Tuấn Dũng** - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2019. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978. (vắng mặt).
Địa chỉ: Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh P
Chỗ ở: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Q

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1979. (vắng mặt).
Địa chỉ: Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 20/9/2018, được bổ sung bằng bản tự khai ngày 25/10/2018 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào ngày 24/7/2007, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng trong một thời ngắn, sau đó vợ chồng cùng nhau đi làm ăn xa. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Kể từ ngày 10/01/2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, chị đã về nhà mẹ đẻ tại xã Q, huyện Q, tỉnh Q sinh sống. Hiện nay chị T xác định không còn tình cảm với anh H,

quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 15/7/2008 và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 23/10/2013. Hiện nay cháu T1 đang ở với chị, còn cháu B đang ở với anh H. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và đề nghị giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết anh H vắng mặt, Toà án đã giao giấy thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh H, tuy nhiên anh vắng mặt không lý do.

Qua xác minh tại UBND thị trấn T xác định anh H hiện tại có hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh H thường xuyên sinh sống cùng nhà với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1959 ở khu 2 thị trấn T, huyện T, tỉnh P.

Qua làm việc với bà Nguyễn Thị D là mẹ đẻ của anh H thì bà D xác định anh H thường xuyên sinh sống cùng nhà với bà, hiện tại anh H bận đi làm xa, nên không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị T được. Mỗi khi Toà án tống đạt các văn bản tố tụng thì bà đều giao và thông báo cho anh H.

Anh H thể hiện quan điểm về việc giải quyết ly hôn qua bà D như sau:

- Về hôn nhân: Anh H xác định anh với chị T kết hôn vào ngày 24/7/2007, có đăng ký tại UBND thị trấn T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng được vài tháng, sau đó cùng nhau đi làm ăn. Quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức trầm trọng nên anh H không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 15/7/2008 và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 23/10/2013. Hiện nay cháu B đang ở với anh H, còn cháu T1 đang ở với chị T. Nếu ly hôn xảy ra thì anh đề nghị được nuôi cả 02 con và đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Anh H xác định không có.

Anh H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa:*

** Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.*

** Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T: Xử cho chị T được ly hôn anh H; Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Mạnh T1 cho đến khi thành niên, giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng B cho đến khi thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng*

nhau; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Chị T do điều kiện bận công việc làm ăn, đi lại khó khăn vất vả nên chị T đã có đơn đề nghị xét xử việc ly hôn vắng mặt.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh H về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh H đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh H đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và làm việc với mẹ đẻ của anh H là bà Nguyễn Thị D, kết quả thể hiện anh H thường xuyên sinh sống cùng nhà với bà D tại khu 2 thị trấn T, anh H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án về việc giải quyết ly hôn, nhưng do bận đi làm xa nên anh H không đến Tòa án.

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào ngày 24/7/2007, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh P, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh H đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn thực tế chung sống, chị T đã về nhà mẹ đẻ tại xã Q, huyện Q, tỉnh Q sinh sống từ tháng 01/2017 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị được ly hôn anh H. Tòa án đã thông báo cho anh H về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo hợp lệ cho anh H đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh H đều vắng mặt không có lý do .

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm,. Anh H không nhất trí ly hôn nhưng không đến tòa án thể hiện quan điểm, không hợp tác tham gia hòa giải. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị được ly hôn anh H là phù hợp tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 15/7/2008 và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 23/10/2013.

Hiện nay cháu Bách đang ở ổn định với anh H và H hành tại thị trấn T, huyện T, tỉnh P; còn cháu T1 đang ở ổn định với chị T và H hành tại xã Q, huyện Q, tỉnh Q. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và đề nghị giao cho anh H trực tiếp

nuôi dưỡng cháu B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. HĐXX thấy rằng xét nguyện vọng của chị T và đề nghị của cháu T1 là phù hợp; bởi lẽ hiện tại các cháu đang sinh sống và H hành ổn định, tránh xáo trộn không cần thiết, vì vậy HĐXX giao cháu T1 cho chị T và cháu B cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị T không đề nghị tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này, tuy nhiên sau ly hôn nếu có tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[4]Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án;

Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Xử giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 15/7/2008. Giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 23/10/2013; kể từ tháng 02/2019 cho đến khi các cháu thành niên.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau, đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, tuy nhiên sau ly hôn nếu có tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0001321 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Viết Tú